

Số: 15/QĐ-THĐH

Kiến An, ngày 25 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc niêm yết công khai quyết toán thu - chi năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Đồng Hoà

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT -BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có hiệu lực từ ngày 13/02/2018;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017;

Xét đề nghị của của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán công tác các khoản thu, mức thu năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Đồng Hoà (theo biểu mẫu đính kèm)

Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại bảng tin, website của nhà trường

Thời gian công khai: Từ ngày 25/6/2024 đến hết ngày 25/9/2024

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.


HIEU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
ĐỒNG HOÀ
Vũ Thị Ngân

Đồng Hoà, ngày 25 tháng 06 năm 2024

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai quyết toán thu chi năm học 2023-2024

I. Thời gian: 8 giờ 30 phút ngày 25 tháng 06 năm 2024

II. Địa điểm: Trường Tiểu học Đồng Hoà

III. Thành phần:

1. Bà Vũ Thị Ngân - Hiệu trưởng
2. Bà Trần Thị Ngọc Hương - Phó hiệu trưởng
3. Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch công đoàn
4. Bà Hoàng Thị Tôn - Trưởng ban thanh tra nhân dân
5. Bà Đào Thị Mong - Kế toán
6. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- Thủ quỹ
7. Bà Nguyễn Thị Hoàn -Thư kí Hội đồng

IV. Nội dung:

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

1. Trường Tiểu học Đồng Hoà tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết toán thu chi năm học 2023-2024

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 25 tháng 06 năm 2024 đến hết ngày 25 tháng 09 năm 2024 tại bảng thông tin, website nhà trường.

Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất ký tên dưới đây.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Nguyễn Thị Hoàn

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Ngọc Hương

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Ngân

TRƯỞNG BAN TTND

Hoàng Thị Tôn

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Nguyễn Văn Dũng

KẾ TOÁN

Đào Thị Mong

QUYẾT TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ -THĐH ngày 25/6/2024 của trường Tiểu học Đồng Hòa)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Quản lý ngoài giờ				
1,1	Số dư năm trước chuyển sang	-	-		
1,2	Mức thu 10.000 đồng/ HS/giờ				
1,3	Tổng số thu trong năm	1.873.520.000	1.873.520.000		
1,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.873.520.000	1.873.520.000		
1,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.873.520.000	1.873.520.000		
1,6	Số chi trong năm	1.873.520.000	1.873.520.000		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.405.140.000	1.405.140.000		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	430.909.600	430.909.600		
	- Thuế	37.470.400	37.470.400		
1,7	Số dư cuối năm		-		
2	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài				
2,1	Số dư năm trước chuyển sang				
2,2	Mức thu 100.000 đồng/HS/tháng				
2,3	Tổng số thu trong năm	721.900.000	721.900.000		
2,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	721.900.000	721.900.000		
2,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	721.900.000	721.900.000		
2,6	Số chi trong năm	721.900.000	721.900.000		
	Trong đó: - Trả về trung tâm dạy	613.615.000	613.615.000		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo, nhiệm vụ thu	86.628.000	86.628.000		
	- Chi cơ sở vật chất	19.491.300	19.491.300		
	- Thuế	2.165.700	2.165.700		

AN
NHÂN DẤU

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
2,7	Số dư cuối năm				
3	Kỹ năng sống				
3,1	Số dư năm trước chuyển sang	58.299	58.299		
3,2	Mức thu 48.000/HS/tháng				
3,3	Tổng số thu trong năm	439.656.000	439.656.000		
3,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	439.714.299	439.714.299		
3,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	439.714.299	439.714.299		
3,6	Số chi trong năm	439.714.299	439.714.299		
	Trong đó: - Chi trả về trung tâm dạy theo hợp đồng	369.310.800	369.310.800		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo, nhiệm vụ thu	61.551.840	61.551.840		
	- Chi cơ sở vật chất	7.444.760	7.444.760		
	- Thuế	1.406.899	1.406.899		
3,7	Số dư cuối năm	-			
4	Tin học				
4,1	Số học sinh: Khối 1,2,5				
4,2	Mức thu: 48.000 đồng/HS/tháng (K1,2), 96.000 đồng/HS/tháng (K5)				
4,3	Số dư năm trước chuyển sang				
4,4	Tổng số thu trong năm	339.288.000	339.288.000		
4,5	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	339.288.000	339.288.000		
4,6	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	339.288.000	339.288.000		
4,7	Số chi trong năm	339.288.000	339.288.000		
	Trong đó: - Chi trả về trung tâm dạy theo hợp đồng	271.430.400	271.430.400		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo, nhiệm vụ thu	47.203.777	47.203.777		
	- Chi cơ sở vật chất	19.296.671	19.296.671		
	- Thuế	1.357.152	1.357.152		
4,7	Số dư cuối năm				
5	Tiếng anh tự chọn				
5,1	Học sinh: Khối 1,2,5				
5,2	Mức thu 96.000 đồng/HS/tháng (12.000đ/tiết)				

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
5,3	Số dư năm trước chuyển sang				
5,4	Tổng số thu trong năm	503.424.000	503.424.000		
5,5	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	503.424.000	503.424.000		
5,6	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	503.424.000	503.424.000		
5,7	Số chi trong năm	503.424.000	503.424.000		
	Trong đó: - Chi trả về trung tâm dạy theo hợp đồng	402.739.200	402.739.200		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo, nhiệm vụ thu	98.671.104	98.671.104		
	- Chi cơ sở vật chất		-		
	- Thuế	2.013.696	2.013.696		
	Số dư cuối năm				
6	Chăm nuôi bán trú				
6,1	Mức thu 150.000 đồng/HS/tháng (HS ăn 5 buổi/tuần)				
6,2	Số dư năm trước chuyển sang	299.820	299.820		
6,3	Tổng số thu trong năm	767.265.000	767.265.000		
6,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	767.564.820	767.564.820		
6,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	767.564.820	767.564.820		
6,6	Số chi trong năm	767.564.820	767.564.820		
	Trong đó: - Chi lương cô nuôi, giáo viên trông trưa, công tác quản lý, chỉ đạo	752.219.520	752.219.520		
	- Thuế	15.345.300	15.345.300		
	Số dư cuối năm	-			
7	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (đối với HS ăn bán trú)				
7,1	Mức thu 300.000 đồng/HS/năm (HS khối 1)				
	200.000 đồng/HS/năm (HS khối 2,3)				
	100.000 đồng/HS/năm (HS khối 4,5)				
7,2	Số dư năm trước chuyển sang				
7,3	Tổng số thu trong năm	125.880.000	125.880.000		
7,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	125.880.000	125.880.000		



TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
7,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	125.880.000	125.880.000		
7,6	Số chi trong năm	125.880.000	125.880.000		
	Trong đó: - Chi mua đồ dùng phục vụ bán trú	125.880.000	125.880.000		
	Số dư cuối năm				
8	Nước uống				
8,1	Mức thu 10.000 đồng/HS/tháng				
8,2	Số dư năm trước chuyển sang				
8,3	Tổng số thu trong năm	92.005.000	92.005.000		
8,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	92.005.000	92.005.000		
8,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	92.005.000	92.005.000		
8,6	Số chi trong năm	92.005.000	92.005.000		
	Trong đó: - Chi trả tiền nước uống, thay thế thiết bị nước, kiểm định chất lượng nước.	92.005.000	92.005.000		
	Số dư cuối năm				
9	Tiền ăn				
9,1	Mức thu 28.000 đồng/HS/ngày đã bao gồm chất đốt (đối với học sinh đăng ký ăn bán trú)				
9,2	Số dư năm trước chuyển sang				
9,3	Tổng số thu trong năm	2.557.604.000	2.557.604.000		
9,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.557.604.000	2.557.604.000		
9,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	2.557.604.000	2.557.604.000		
9,6	Số chi trong năm	2.557.604.000	2.557.604.000		
	Số dư cuối năm	-	-		
10	Dạy học 2 buổi trên ngày				
10,1	Mức thu 30.000 đồng/HS/tháng				
10,2	Số dư năm trước chuyển sang	91.710	91.710		
10,3	Tổng số thu trong năm	227.430.000	227.430.000		
10,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	227.521.710	227.521.710		
10,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	227.521.710	227.521.710		

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
10,6	Số chi trong năm	227.512.875	227.512.875		
10,7	Số dư cuối năm	8.835	8.835		
11	Quỹ vòng tay bè bạn				
11,1	Mức thu 48.000 đồng/HS/năm				
11,2	Số dư năm trước chuyển sang		-		
11,3	Tổng số thu trong năm	49.848.000	49.848.000		
11,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	49.848.000	49.848.000		
11,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	49.848.000	49.848.000		
11,6	Số chi trong năm	49.848.000	49.848.000		
11,7	Số dư cuối năm		-		
12	Xe				
12,1	Số dư năm trước chuyển sang				
12,2	Mức thu 30.000 đồng/tháng				
12,3	Tổng số thu trong năm	70.915.000	70.915.000		
12,4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	70.915.000	70.915.000		
12,5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	70.915.000	70.915.000		
12,6	Số chi trong năm	70.915.000	70.915.000		
	Trong đó: - Chi bảo vệ, công tác quản lý, chỉ đạo, nhiệm vụ thu	49.640.500	49.640.500		
	- Chi cơ sở vật chất	14.183.000	14.183.000		
	- Thuế	7.091.500	7.091.500		
12,6	Số dư cuối năm	-	-		
13	Vận động tài trợ				
13,1	Số dư năm trước chuyển sang				
13,2	Tổng số thu trong năm	217.591.000	217.591.000		
13,3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	217.591.000	217.591.000		
13,4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	217.591.000	217.591.000		
13,5	Số chi trong năm	217.591.000	217.591.000		
	Trong đó: - Chi lắp đặt, di chuyển điều hòa, mua bàn BT, bảng đẩy	217.591.000	217.591.000		
13,6	Số dư cuối năm	-	-		

13. PHỤ LỤC

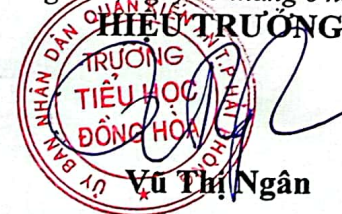
TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
14	Báo đội				
14,1	Số dư năm trước chuyển sang				
14,2	Tổng số thu trong năm	169.440.000	169.440.000		
14,3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	169.440.000	169.440.000		
14,4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	169.440.000	169.440.000		
14,5	Số chi trong năm	169.440.000	169.440.000		
	Trong đó: - Chi mua báo	169.440.000	169.440.000		
14,6	Số dư cuối năm	-	-		
15	Chăm sóc SKBD				
15,1	Số dư năm trước chuyển sang	36.486.982	36.486.982		
15,2	Tổng số được cấp trong năm	46.978.701	46.978.701		
15,3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	83.465.683	83.465.683		
15,4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	83.465.683	83.465.683		
15,5	Số chi trong năm	61.041.482	61.041.482		
	Trong đó: - Chi mua thuốc, bông băng, tủ thuốc, giường y tế,	169.440.000	169.440.000		
15,6	Số dư cuối năm	22.424.201	22.424.201		
16	Lãi phí kho bạc				
16,1	Số dư năm trước chuyển sang	240.586	240.586		
16,2	Tổng số thu trong năm	1.160.797	1.160.797		
16,3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.401.383	1.401.383		
16,4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	1.401.383	1.401.383		
16,5	Số chi trong năm	971.669	971.669		
16,6	Số dư cuối năm	429.714	429.714		

NGƯỜI LẬP



Đào Thị Mong

Đồng Hòa, ngày 25 tháng 6 năm 2024



Vũ Thị Ngân